

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KSTT

Bình Định, ngày tháng năm 2023

V/v điều chỉnh việc công khai
thời gian giải quyết đối với 13
TTHC thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Bộ Tư pháp trên
Cổng Dịch vụ công quốc gia

Kính gửi:

- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ.

Triển khai thực hiện Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử” (sau đây gọi tắt là “Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp”);

Qua rà soát các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhận thấy có 13 thủ tục hành chính được công khai “thời gian giải quyết” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia chưa đảm bảo theo các văn bản pháp luật hiện hành (được công khai theo “ngày” thay vì “ngày làm việc”). Việc này dẫn đến Cổng Dịch vụ công quốc gia phản ánh nhiều trường hợp hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trễ hạn chưa chính xác, làm ảnh hưởng chung đến kết quả đánh giá “Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp” của địa phương.

Để khắc phục tồn tại nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính đề nghị Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ xem xét, điều chỉnh việc công khai thời gian giải quyết của 13 thủ tục hành chính này trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành (có Phụ lục kèm theo Công văn này).

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định rất mong nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện của Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Kiểm soát TTHC;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TP, NV, TTTT;
- UBND các huyện, TX, TP;
- LĐVP UBND tỉnh;
- TT TH-CB, TT PVHCC;
- Tổ CCHC của VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K11, KSTT^(C).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Phụ lục
DANH MỤC 13 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ TƯ PHÁP ĐƯỢC CÔNG KHAI THỜI GIẠN GIẢI QUYẾT
TRÊN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA CHƯA ĐẢM BẢO THEO QUY ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Công văn số: /UBND-KSTT ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết TTHC (Ngày/Ngày làm việc)			Kiến nghị, đề xuất
			Tại Quyết định công bố Danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh	Được công khai trên cổng DVC quốc gia	Theo VBQPPL (Luật, Nghị định, Thông tư) quy định TTHC	
I. TTHC CẤP TỈNH (10 TTHC)						
1. Lĩnh vực Công chứng						
1.	2.000743	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	Ngày làm việc		Ngày làm việc	Điều chỉnh “Thời hạn giải quyết” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo ngày làm việc
			Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 05/07/2021	Ngày	Khoản 2 Điều 24 Luật công chứng 2014	
2. Lĩnh vực Hộ tịch						
2.	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày làm việc	03 Ngày	03 ngày làm việc	Điều chỉnh “Thời hạn giải quyết” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo ngày làm việc
			Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 24/4/2023		Khoản 3 Điều 13 Nghị định 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ	
3. Lĩnh vực Luật sư						
3.	1.002032	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	10 Ngày làm việc	- Phần thời hạn giải quyết: 10 Ngày	10 Ngày làm việc	Điều chỉnh “Thời hạn giải quyết” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo
			Quyết định số 2104/QĐ-UBND ngày 07/07/2022		Khoản 1 Điều 36 Luật Luật sư	

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết TTHC (Ngày/Ngày làm việc)			Kiến nghị, đề xuất
			Tại Quyết định công bố Danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh	Được công khai trên cổng DVC quốc gia	Theo VBQPPL (Luật, Nghị định, Thông tư) quy định TTHC	
				- Phần mô tả: Ngày làm việc		
4. Lĩnh vực Quốc tịch						
4.	2.001895	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	05 Ngày làm việc	05 Ngày	05 Ngày làm việc	Điều chỉnh “Thời hạn giải quyết” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo ngày làm việc
			Quyết định số 2258/QĐ-UBND ngày 09/06/2020		Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/2/2020 của Chính phủ	
5.	1.005136	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Ngày làm việc	- Phần thời hạn giải quyết: Ngày - Phần mô tả: Ngày làm việc	Ngày làm việc	Điều chỉnh “Thời hạn giải quyết” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo ngày làm việc
			Quyết định số 2258/QĐ-UBND ngày 09/06/2020		Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/2/2020 của Chính phủ	
5. Lĩnh vực Thừa phát lại						
6.	1.008931	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	Ngày làm việc	- Phần thời hạn giải quyết: Ngày - Phần mô tả: Ngày làm việc	Ngày làm việc	Điều chỉnh “Thời hạn giải quyết” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo ngày làm việc
			Quyết định số 4225/QĐ-UBND ngày 13/10/2020		Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ	
7.	1.008937	Thay đổi nội dung	Ngày làm việc	Ngày	Ngày làm việc	Điều chỉnh “Thời

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết TTHC (Ngày/Ngày làm việc)			Kiến nghị, đề xuất
			Tại Quyết định công bố Danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh	Được công khai trên cổng DVC quốc gia	Theo VBQPPL (Luật, Nghị định, Thông tư) quy định TTHC	
			đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Quyết định số 4225/QĐ-UBND ngày 13/10/2020		
6. Lĩnh vực tư vấn pháp luật						
8.	1.000404	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Ngày làm việc	- Phần thời hạn giải quyết: Ngày - Phần mô tả: Ngày làm việc	Ngày làm việc	Điều chỉnh “Thời hạn giải quyết” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo ngày làm việc
			Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 28/07/2020		Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
9.	1.000390	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	Ngày làm việc	- Phần thời hạn giải quyết: Ngày - Phần mô tả: Ngày làm việc	Ngày làm việc	Điều chỉnh “Thời hạn giải quyết” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo ngày làm việc
			Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 28/07/2020		Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
10.	1.000426	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Ngày làm việc	- Phần thời hạn giải quyết: Ngày - Phần mô tả: Ngày làm việc	Ngày làm việc	Điều chỉnh “Thời hạn giải quyết” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo ngày làm việc
			Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 28/07/2020		Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ	

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết TTHC (Ngày/Ngày làm việc)			Kiến nghị, đề xuất
			Tại Quyết định công bố Danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh	Được công khai trên cổng DVC quốc gia	Theo VBQPPL (Luật, Nghị định, Thông tư) quy định TTHC	
II. TTHC CẤP HUYỆN (01 TTHC)						
1. Lĩnh vực Chứng thực						
11.	2.000884	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Ngày làm việc	Chưa quy định	Ngày làm việc	Điều chỉnh “Thời hạn giải quyết” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia rõ ràng, cụ thể theo quy định
			Quyết định số 2671/QĐ-UBND ngày 03/07/2020		Điều 7 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ	
III. TTHC CẤP XÃ (02 TTHC)						
1. Lĩnh vực Hòa giải cơ sở						
12.	2.000350	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	05 Ngày làm việc	10 Ngày	05 Ngày làm việc	Điều chỉnh “Thời hạn giải quyết” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo 05 ngày làm việc
			Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 04/01/2021		Khoản 2 Điều 14 Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTWMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.	
2. Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật						
13.	2.001457	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	05 Ngày làm việc	- Phần thời hạn giải quyết: 05	05 Ngày làm việc	Điều chỉnh “Thời hạn giải quyết” trên Cổng Dịch vụ
			Quyết định số 2638/QĐ-UBND ngày		Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016	

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết TTHC (Ngày/Ngày làm việc)			Kiến nghị, đề xuất
			Tại Quyết định công bố Danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh	Được công khai trên cổng DVC quốc gia	Theo VBQPPL (Luật, Nghị định, Thông tư) quy định TTHC	
			02/8/2018	ngày - Phần mô tả: Ngày làm việc	của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	
Tổng cộng: 13 TTHC						